

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02/3/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Hậu,
2. Bà Đặng Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 431/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1986;

Hộ khẩu thường trú: Số 62/20 hẻm Th, khóm B3, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang;

Địa chỉ liên hệ: Tổ 16, ấp P4, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Phước T, sinh năm 1982;

Cư trú: Số 62/20 hẻm Th, khóm B3, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang;

Tại phiên tòa Bà N và ông T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Đoàn Phước T tự nguyện quen biết và tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới năm 2007 và đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường K. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với cha mẹ chồng, ông T cũng có tiếp giúp gia đình, cuộc sống vợ chồng cũng có hạnh phúc. Thời gian sau thì ông T thường xuyên theo bạn bè ăn chơi, thiếu nợ, cha mẹ chồng phải tiếp trả nợ, Bà N cũng cố gắng nhịn nhục để cho ông T sửa đổi. Đến năm 2009, Bà N vừa sinh con đầu lòng, sinh hoạt gia đình cũng không được cải thiện, vì thương con Bà N cam tâm chấp nhận. Đến năm 2016, vợ chồng xây dựng nhà và rước cha mẹ chồng về sống chung. Cuộc sống sinh hoạt vợ chồng cũng bình thản qua ngày. Nhưng tính tình ông T không thay đổi, vẫn thường xuyên vắng nhà để ăn chơi gây nợ ngày càng nhiều. Hiện nay, Bà N đã quá mệt mỏi, không còn sức chịu đựng, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông T. Bà và ông T không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên phải trả tự do cho nhau.

Về con chung: Bà N và ông T có 03 con chung là các cháu Đoàn Ngọc Mỹ D sinh ngày 08 tháng 4 năm 2009, Đoàn Ngọc Mỹ A1 sinh ngày 14 tháng 02 năm 2015, Đoàn Th1 sinh ngày 30 tháng 10 năm 2018. Sau khi ly hôn Bà N xin được tiếp tục nuôi 03 con chung, Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đoàn Phước T trình bày: Không cung cấp ý kiến và tài liệu, chứng cứ có liên quan cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng đương sự vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến vì đã nhiều lần tha thứ nhưng ông T không sửa đổi, tôi không thể tiếp tục chịu đựng được.

- Ôn Tín trình bày: Tình trạng hôn nhân như Bà N trình bày, nhưng mâu thuẫn như vậy là không lớn. Ông còn yêu thương vợ, các con thì còn nhỏ. Ông sẽ sửa đổi tính tình. Ông không đồng ý ly hôn. Nếu ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi ba con chung. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: (1) Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc với nhau đến một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân của ông T, Bà N nhưng Bà N vẫn cương quyết ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T, Bà N đã đi đến trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Bà N là có cơ sở để chấp nhận. (2) Về con chung: Bà N và ông T có ba con chung là các cháu Đoàn Ngọc Mỹ D, Đoàn Ngọc Mỹ A1, Đoàn Th1; Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Nhận thấy, con chung hiện đang được Bà N nuôi dưỡng, do đó nhằm đảm bảo ổn định về mặt tinh thần cũng như đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên đề xuất giao con chung cho Bà N chăm sóc nuôi dưỡng. (3) Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu cấp dưỡng, nên ông T không phải cấp dưỡng. (4) Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Yến N và ông Đoàn Phước T kết hôn có đăng ký kết hôn; Bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, còn ông T là người có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố X. Bà N cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng xuất phát từ việc ông T không quan tâm đến gia đình, mà lại chơi bời gây nợ cho gia đình, Bà N đã khuyên nhủ, nhiều lần tha thứ nhưng ông T không sửa đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Xét thấy: Bà N vì những lý do mâu thuẫn đã nêu mà xin ly hôn. Bà N cũng trình bày khi bà đưa các con về gia đình bên vợ sinh sống thì ông T cũng không quan tâm đến vợ con. Về phía ông T, quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông T vẫn vắng mặt

và không có ý kiến. Khi Tòa án mở phiên tòa, ông T có mặt và trình bày vợ chồng ông đã đoàn tụ, Bà N có nguyện vọng rút đơn khởi kiện nhưng không đến dự phiên tòa được mà nhờ ông đi. Tuy nhiên, sau khi Tòa án tạm ngừng phiên tòa, Bà N có đơn trình bày ý kiến vẫn mong muốn ly hôn, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, việc chung sống trở lại là không có mà do ông T lợi dụng thời gian bà đi điều trị bệnh để tung tin. Tại phiên tòa, Bà N vẫn kiên quyết xin ly hôn vì đã quá sức chịu đựng, không thể tha thứ, giải quyết mâu thuẫn. Ông T có yêu cầu được đoàn tụ nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, phương án giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, xây dựng cuộc sống hạnh phúc. Những vấn đề này thể hiện mâu thuẫn của Bà N và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong khi đó, để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng kinh tế, vun đắp cho gia đình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Bà N là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà N xác định bà và ông T có ba con chung là các cháu Đoàn Ngọc Mỹ D sinh ngày 08 tháng 4 năm 2009, Đoàn Ngọc Mỹ A1 sinh ngày 14 tháng 02 năm 2015, Đoàn Th1 sinh ngày 30 tháng 10 năm 2018. Bà N có yêu cầu sau khi ly hôn, bà được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông T không cấp dưỡng nuôi con. Ông T mong muốn được nuôi con chung. Xét thấy: Hiện nay các cháu D, A1, Th1 đều do Bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Các cháu D, A1 đều thể hiện mong muốn được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Cháu Th1 thì do Bà N chăm sóc từ khi chào đời đến nay. Mặt khác về mặt kinh tế, Bà N đang kinh doanh thịt heo tại chợ A (theo xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn A), còn ông T thừa nhận ông không có nghề nghiệp, chỉ phụ gia đình kinh doanh thịt heo. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của các con chung, tạo điều kiện cho các cháu phát triển bình thường; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà N về vấn đề con chung, nuôi dưỡng và cấp dưỡng cho con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phía ông T cũng không cung cấp ý kiến hoặc tài liệu chứng cứ về các vấn đề này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 238; 266; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 19; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Yến N được ly hôn với ông Đoàn Phước T.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Yến N và ông Đoàn Phước T có 03 (ba) con chung là các cháu Đoàn Ngọc Mỹ D sinh ngày 08 tháng 4 năm 2009, Đoàn Ngọc Mỹ A1 sinh ngày 14 tháng 02 năm 2015, Đoàn Th1 sinh ngày 30 tháng 10 năm 2018.

Bà Nguyễn Thị Yến N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục các cháu Đoàn Ngọc Mỹ D, Đoàn Ngọc Mỹ A1, Đoàn Th1. Bà Nguyễn Thị Yến N và thành viên gia đình không được cản trở ông Đoàn Phước T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Đoàn Ngọc Mỹ D, Đoàn Ngọc Mỹ A1, Đoàn Th1.

Người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có thể thay đổi theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông Đoàn Phước T không phải cấp dưỡng cho các cháu Đoàn Ngọc Mỹ D, Đoàn Ngọc Mỹ A1, Đoàn Th1.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng cho con chung có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000587 ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND p. K, tp. X;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Hương

Nguyễn Tấn Hậu

Nguyễn Thùy Giang